TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/DS-ST
Ngày: 08/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Duy Thanh.

2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về "*tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-DS ngày 27/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hoàng U, sinh 1987; địa chỉ: số 298, tổ 8, ấp Mỹ H, xã Mỹ P, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Thế N, sinh năm 1989 và chị Lê Thị D, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: số 01, tổ 19 , khóm V , phường A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Hoàng U trình bày: Chị và vợ chồng Trần Thế N, Lê Thị D là bạn bè, ngày 27/5/2016 vợ chồng N, D nói cần vốn làm ăn, yêu cầu chị hỏi vay dùm nhiều lần tiền tổng cộng 79.200.000 đồng, sau đó viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ vào ngày 30/8/2016, không tính lãi suất, mỗi tuần trả 700.000 đồng cho đến khi hết nợ. Khoảng 02 tháng sau vợ chồng N, D mượn thêm 18.000.000 đồng không làm biên nhận nợ, không tính lãi, không thỏa

thuận ngày thanh toán, vợ chồng N, D chỉ nói khi nào có tiền thì trả dần, những lần mượn tiền chị là người tiếp giao tiền. Thực hiện cam kết, từ ngày 27/5/2016 đến ngày 25/8/2016 vợ chồng N, D trả được 9.800.000 đồng cho khoản vay 79.200.000 đồng. Từ đó đến nay vợ chồng N, D không trả thêm, nhiều lần chị điện thoại cho anh N đòi lại số tiền đã vay nhưng anh N lẫn tránh, nên tháng 01/2017 chị làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, quá trình giải quyết thì vợ chồng N, D có lời khai thừa nhận có nợ chị 87.400.000 đồng, qua động viên của Tòa án, tại Tòa án ngày 23/3/2017 anh N viết cam kết trả thêm lãi cho tôi 2.600.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tuần 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 31/3/2017 chị đồng ý và tự nguyện rút lại đơn kiện.

Từ ngày cam kết đến nay vợ chồng N, D vẫn không thực hiện cam kết nên chị làm đơn khởi kiện lại.

Các tài liệu, chứng cứ do chị U cung cấp:

- Bản chính Giấy nhận nợ ngày 30/8/2016;
- Bản chính tờ cam kết ngày 23/3/2017;
- Bản sao biên bản ghi lời khai anh N và chị D ngày 02/3/2017;

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị thừa nhận vợ chồng có vay tiền của chị U như các lời khai của chị U có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của vợ chồng chị ghi ngày 02/3/2017. Mục đích vay tiền là để làm ăn, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả vốn, anh N là người trực tiếp nhận tiền, lãi suất 20%/tháng, khi vay không làm biên nhận, ông N có trả lãi cho bà U nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì chị không biết, nhưng đến ngày 30/8/2016 thì chị U có yêu cầu chồng chị là N ký tên vào Giấy nhận nợ ghi 79.200.000 đồng và trả dần mỗi tuần 700.000 đồng. Sau đó chị không biết anh N có thực hiện hay không, vào ngày 23/3/2017 tại Tòa án, anh N có làm cam kết với chị U ghi vốn vay 87.400.000 đồng, lãi 2.600.000 đồng cộng chung 90.000.000 đồng , đồng ý trả mỗi tuần 1.000.000 đồng, sau đó anh N cũng không thực hiện trả nợ cho chị U. Nay chị U tiếp tục khởi kiện, chị nhận trách nhiệm cùng anh N trả khoản nợ vốn 84.000.000 đồng, theo phương thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu vào ngày 01/8/2017 cho đến khi dứt nợ. Chị D xác định Giấy nhận nợ ngày 30/8/2016 và Tờ cam kết ghi ngày 23/3/2017 chị U cung cấp anh N có ký tên và đúng là chữ ký của anh N. Chị yêu cầu vắng mặt khi Tòa án triệu tập đối chất, hòa giải, phiên họp và tham dự phiên khi vụ án đưa ra xét xử, giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 12 tháng 7 năm 2017 chị U rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu vợ chồng N, D trả cho chị đủ một lần vốn vay 84.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Chị U yêu cầu anh N, chị D trả vốn 84.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không chấp nhận cho trả dần.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 27/5/2016 chị D, anh N có nhờ chị U mượn dùm nhiều lần tiền tổng cộng 79.200.000 đồng, ngày 30/8/2016 có viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ mỗi tuần 700.000 đồng không tính lãi, ngày 01/9/2016 anh N, chị D tiếp tục vay thêm 18.000.000 đồng. Đến ngày 22/3/2017 anh N làm cam kết vốn vay còn lại 87.400.000 đồng cộng tiền lãi từ tháng 10/2016 đến ngày 22/3/2017 là 2.600.000 đồng, trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, sau đó không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Nay chị U yêu cầu trả vốn, không tính lãi được anh N, chị D đồng ý. Vì vậy yêu cầu của bà U là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Hoàng U khởi kiện yêu cầu anh Trần Thế N và chị Lê Thị D trả nợ. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc nên yêu cầu kiện của chị U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào giấy nhận nợ do chị U cung cấp thể hiện ngày 30/8/2016 nên việc chị U nộp đơn khởi kiện và được thụ lý vào ngày 01/6/2017 vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về vốn vay: Chị U có lời khai vào ngày 12/7/2017 thống nhất với chị D, anh N vốn vay là 84.000.000 đồng, trong đó ngày 27/5/2016 vay 66.000.000

đồng, ngày 01/9/2016 vay 18.000.000 đồng thể hiện tại biên bản ghi lời khai anh N, chị D ngày 02/3/2017 do Tòa án thu thập từ vụ án trước.

Việc vay tiền giữa chị U với anh N được các bên xác lập, thực hiện trên cơ sở tự nguyện, có lập văn bản thể hiện qua Giấy nhận nợ ngày 30/8/2016 rồi đến tờ cam kết ngày 23/3/2017, nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Về lãi suất, qua xem xét giấy nhận nợ ngày 30/8/2016 thể hiện không tính lãi suất, còn Tờ cam kết có tính lãi 2.600.000 đồng và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ với hình thức góp mỗi tuần, mỗi tháng. Về phía chị U khai có thỏa thuận miệng tính lãi suất 5%/tháng, thừa nhận có nhận của anh N 9.800.000 đồng do ông N thực hiện cam kết ngày 30/8/2016, phía ông N khai thỏa thuận miệng lãi đóng mỗi ngày 450.000 đồng cho khoản vay 66.000.000 đồng, chưa trả lãi cho khoản vay 18.000.000 đồng. Nên có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi.

Việc anh N khai đã góp cho chị U 9.100.000 đồng và không có ý kiến khác, còn chị U khai đã nhận 9.800.000 đồng, tính đến thời điểm xét xử không vượt quá mức lãi do pháp luật qui định, mặt khác chị U cũng không yêu cầu tính lãi tiếp nên không đề cập xem xét.

Xét, anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, chị U khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, chị D nhận trách nhiệm cùng anh N trả nợ cho bà U nên buộc anh N và chị D cùng trả cho chị U 84.000.000 đồng. Chị D yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng không được chị U chấp nhận, không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Thế N và chị Lê Thị D có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 326 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016.

Chị Võ Thị Hoàng U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị U số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hoàng U.

Buộc anh Trần Thế N và chị Lê Thị D có trách nhiệm trả cho chị Võ Thị Hoàng U số tiền vốn là 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Thế N và chị Lê Thị D phải chịu 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thị Hoàng U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị U số tiền 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0014554 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị U có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng anh N và chị D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy